

Số: 27 /QĐ - CKCKTTCSVC

Hải Phương, ngày 20 tháng 06 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

(Về việc niêm yết công khai thông tin cơ sở vật chất của trường Tiểu học,
năm học 2022-2023)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC HẢI PHƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 36/2017 /TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ giáo dục và đào tạo về ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân .

Căn cứ biên bản họp hội đồng sư phạm ngày 20/06/2022 của Trường Tiểu học Hải Phương,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai thông tin cơ sở vật chất của trường Tiểu học hải Phương năm học 2022-2023.(theo biểu đính kèm)

Điều 2. Căn cứ số liệu ghi tại Điều 1, bộ phận văn phòng có trách nhiệm thực hiện công khai theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Bộ phận văn phòng, phụ trách văn thư thực hiện Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Ngọc Thuận

Số: 27/BBCKCKTTCSVC

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG

(Về việc niêm yết công khai thông tin cơ sở vật chất của trường Tiểu học,
năm học 2022-2023)

I. Thời gian: 8 h 45 phút giờ ngày 20 tháng 6 năm 2022

II. Địa điểm: Tại văn phòng trường Tiểu học Hải Phương

III. Thành phần lập biên bản:

- | | |
|-------------------------|---------------------------------|
| 1. Đ/c Vũ Ngọc Thuận | - Hiệu trưởng |
| 2. Đ/c Lê Quang Ánh | - Phó hiệu trưởng |
| 3. Đ/c Vũ Thị Bích Thủy | - Trưởng ban thanh tra nhân dân |
| 4. Đ/c Chu Văn Tự | - Chủ tịch Công Đoàn |
| 5. Đ/c Lại Thị Khuyên | - Kế toán |

Cùng toàn thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên trường tiểu học Hải Phương.

IV. Nội dung.

- Đ/c Vũ Ngọc Thuận – Hiệu trưởng – Triển khai nội dung.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 36/2017 /TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ giáo dục và đào tạo về ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân .

Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường năm học 2022-2023

Trường Tiểu học Hải Phương đã tiến hành họp hội đồng sư phạm và tiến hành lập biên bản niêm yết công khai thông tin cơ sở vật chất của trường Tiểu học Hải Phương, năm học 2022-2023

- Hình thức niêm yết: Trên Website, Treo công khai tại bảng tin của nhà trường .

- Thời gian công khai: 30 ngày kể từ ngày niêm yết.

(Từ ngày 20/06/2022 đến hết ngày 20/7/2022)

- Sau 30 ngày niêm yết công khai không có đơn thư khiếu nại về nội dung trên thì tiến hành lập biên bản kết thúc niêm yết.

V. Kết luận.

Biên bản lập xong hồi 9 h30 phút cùng ngày, những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./



HIỆU TRƯỞNG

CT CÔNG ĐOÀN

BAN THANH TRA ND

THƯ KÝ

Vũ Ngọc Thuận

Chu Văn Tự

Vũ Thị Bích Thủy

Lại Thị Khuyên

PHÒNG GD&ĐT HẢI HẬU
TRƯỜNG TIỂU HỌC HẢI PHƯƠNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường Tiểu học, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	18/18	1,44m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	18	1,44m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	8025	11m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	5000	8,7m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	816	1,44m ² /học sinh
2	Diện tích thư viện (m ²)	120	1,44m ² /học sinh
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	424	0,7m ² /học sinh
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	48	1,44m ² /học sinh
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	48	1,44m ² /học sinh
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	48	1,44m ² /học sinh
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	48	1,44m ² /học sinh
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	24	0,72m ² /học sinh
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	4/4	1 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 2	4/4	1 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 3	4/4	1 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 4	3/3	1 bộ/lớp
1.5	Khối lớp 5	3/3	1 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	20	2 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	2	
2	Cát xét	2/17	0,125 thiết bị/lớp
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	

4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3/17	0,15 thiết bị/lớp
5	Thiết bị khác...		

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		4	0,15m ² /học sinh	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	1	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	1	
XVII	Kết nối internet	1	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	1	
XIX	Tường rào xây	1	

Hải Phương, ngày 20 tháng 6 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Vũ Ngọc Thuận